TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÝ NHÂN** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2018/HNGĐ-ST
Ngày 30-11-2018
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Trưởng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ngọc.

2. Bà Nguyễn Thị Quyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hồng Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lý Nhân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 125/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Khu đô thị S, Xóm 8, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Việt Đ, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Xóm 2, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 11 tháng 9 năm 2018, bản tự khai, lời khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng L; bản tự khai, lời khai của bị đơn anh Trần Việt Đ và các tài liệu lưu trong hồ sơ vụ án; lời khai của nguyên đơn tại phiên toà, nội dung vụ án như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Hồng L kết hôn với anh Trần Việt Đ là tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 24-12-2003 tại Uỷ ban nhân dân thị trấn V, huyện L, tỉnh Hà Nam. Sau khi cưới, vợ chồng anh - chị chung sống cùng nhà với bố mẹ anh Đ nên trong cuộc sống sinh hoạt hằng ngày, chị L nhiều lần xảy ra va chạm, xích mích với bố mẹ chồng và các chị gái anh Đ.

Theo chị L nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn: Sau khi kết hôn, vợ chồng ở cùng nhà với bố mẹ chồng, đã xảy ra mâu thuẫn trong lối sống sinh hoạt hàng ngày với gia đình chồng, với các chị chồng do gia đình chồng khắt khe, can thiệp sâu vào đời sống chung vợ chồng. Mặt khác, anh Đ rượu chè, chơi bời, không quan tâm đến vợ, con, nhiều lần đi ngoại tình với người phụ nữ khác nên vợ mâu thuẫn vợ chồng xảy ra căng thẳng, kéo dài, vợ chồng ly thân nhau từ tháng 02-2013 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị xin được ly hôn anh Đ.

Theo anh Đ nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn: Sau khi cưới, vợ chồng ở cùng nhà với bố mẹ anh Đ tại xóm 2, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hà Nam. Trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, chị L thường xảy ra bất đồng quan điểm với gia đình chồng. Để tránh xung đột, năm 2012 vợ chồng đi thuê nhà ở riêng, chị L nghi ngờ anh quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, vì vậy vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau căng thẳng, đến tháng 02-2013, vợ chồng ly thân nhau cho tới nay. Anh Đ xác định vợ chồng không còn tình cảm nhưng anh chỉ đồng ý ly hôn với điều kiện chị L đồng ý giao cho anh nuôi dưỡng cả 02 con chung.

- *Về con chung:* Vợ chồng chị L - anh Đ có 02 con chung là cháu Trần K, sinh ngày 14-9-2004, do anh Đ đang nuôi dưỡng và cháu Trần Tâm L, sinh ngày 07-11-2009, do chị L đang nuôi dưỡng.

Trường hợp vợ chồng ly hôn:

+ Chị L đề nghị được nuôi cháu L, giao anh Đ nuôi cháu K cho tới khi các cháu đủ 18 tuổi. Đôi bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

+ Anh Đ đề nghị được nuôi dưỡng cả 02 con chung cho tới khi các cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh không đồng ý để chị L được nuôi dưỡng con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Chị L và anh Đ đều xác định vợ chồng không có nên đều không yêu cầu Toà án phải xem xét, giải quyết.

Toà án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng không thành.

Tại phiên toà:

- Nguyên đơn - chị L khai: Chị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Đề nghị giao cháu L cho chị tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu K cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng. Đôi bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Toà án phải xem xét, giải quyết.

- Bị đơn - anh Đ khai: Vợ chồng ly thân nhau từ tháng 2 năm 2013 đến nay. Anh xác định vợ chồng tình cảm không còn tình cảm, không thể đoàn tụ được với nhau, nhưng anh chỉ thuận tình ly hôn nếu được nuôi cả 02 con chung.

Về con chung: Anh Đ đề nghị được nuôi dưỡng cả 02 con chung cho tới khi các cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh không đồng ý để chị L được nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Đ đều xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Toà án phải xem xét, giải quyết.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Lý Nhân. Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định theo Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về hôn nhân: Đề nghị giải quyết ly hôn giữa chị L - anh Đ.

Về con chung: Đề nghị giao cháu Trần K cho anh Đ nuôi dưỡng, giao cháu Trần Tâm L cho chị L nuôi dưỡng. Đôi bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, công nợ chung: Ngoài phạm vi yêu cầu khởi kiện nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Hồng L và anh Trần Việt Đ là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhà với bố mẹ anh Đ, trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, giữa chị L và gia đình nhà chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng. Chị L cho rằng anh Đ nhiền lần ngoại tình, không quan tâm đến vợ con nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn căng thẳng và ly thân từ tháng 02-2013 cho đến nay. Anh Đ cho rằng vợ chồng không thể đoàn tụ được với nhau. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn của chị L là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị L - anh Đ có 02 con chung là cháu Trần K, sinh ngày 14-9-2004 và cháu Trần Tâm L, sinh ngày 07-11-2009, hiện nay cháu K do anh Đ nuôi dưỡng, cháu L do chị L đang nuôi dưỡng. Anh Đ - chị L đều có nguyện vọng được nuôi con chung và đều có quyền nuôi con chung; anh - chị đều có thu nhập nên đủ điều kiện nuôi con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử

giao cháu K cho anh Đ nuôi dưỡng, giao cháu L cho chị L nuôi dưỡng là phù hợp. Đôi bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[4] Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: Ngoài phạm vi yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, các Điều 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

1. Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hồng L và anh Trần Việt Đ.

2. Về con chung:

- Giao cháu Trần Tâm L, sinh ngày 07-11-2009 cho chị Nguyễn Thị Hồng L tiếp tục nuôi dưỡng cho tới khi cháu đủ 18 tuổi.

- Giao cháu Trần K, sinh ngày 14-9-2004 cho anh Trần Việt Đ tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Chị L, anh Đ không phải cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên Gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Hồng L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng. Đối trừ vào tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai thu số 04037 ngày 18-9-2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Nhân. Chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 *(Mười lăm)* ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS huyện Lý Nhân;
- UBND thị trấn V;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Quốc Trưởng